

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: C1.A105

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 9h45

Ngày thi: 24/03/2022

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ	Tên	Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
1	TA0141	SV6169895	Lê Thị Thu	Nga	17/12/1999		
2	TA0142	SV6169896	Nguyễn Thị Thanh	Nga	13/2/2000		
3	TA0143	SV6169897	Hoàng Hữu	Nghĩa	16/10/1999		
4	TA0144	SV6169898	Trương Công	Nghĩa	18/3/2000		
5	TA0145	SV6169899	Đinh Thị Hồng	Ngọc	21/11/2000		
6	TA0146	SV6169900	Nguyễn Thị Phương	Ngọc	10/10/1999		
7	TA0147	SV6169901	Vương Thị Hồng	Ngọc	18/10/2000		
8	TA0148	SV6169902	Đào Công	Nguyên	4/3/1999		
9	TA0149	SV6169903	Nguyễn Hồng	Nguyên	20/01/1982		
10	TA0150	SV6169904	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	28/2/1999		
11	TA0151	SV6169905	Phạm Nguyễn	Nguyên	24/3/1998		
12	TA0152	SV6169906	Nguyễn Văn	Nhàn	13/12/1999		
13	TA0153	SV6169907	Vũ Thị Hải	Ninh	29/3/2000		
14	TA0154	SV6169908	Trần Đại	Phong	03/12/1994		
15	TA0155	SV6169909	Trần Nam	Phong	21/6/1999		
16	TA0156	SV6169910	Nguyễn Việt	Phú	20/05/1984		
17	TA0157	SV6169911	Đặng Văn	Phúc	24/12/1999		
18	TA0158	SV6169912	Bùi Xuân	Quân	05/02/1983		
19	TA0159	SV6169913	Đinh Văn	Quang	28/01/1997		
20	TA0160	SV6169914	Vũ Hồng	Quang	19/8/1999		
21	TA0161	SV6169915	Nguyễn Ngọc	Quý	5/1/2000		
22	TA0162	SV6169916	Đinh Hoàng	Quý	22/06/1999		
23	TA0163	SV6169917	Võ Hoàng	Quý	9/1/1999		
24	TA0164	SV6169918	Nguyễn Văn	Quyền	20/11/1987		
25	TA0165	SV6169919	Nguyễn Ngọc	Son	1/11/1999		

26	TA0166	SV6169920	Trần Đức	Son	26/10/1999		
27	TA0167	SV6169921	Trần Hoài	Son	10/5/1999		
28	TA0168	SV6169922	Nguyễn Văn	Tân	25/03/1995		
29	TA0169	SV6169923	Bùi Văn	Tấn	22/09/1984		
30	TA0170	SV6169924	Ninh Thành	Thái	3/6/2022		
31	TA0171	SV6169925	Lê Minh	Thắng	10/11/1990		
32	TA0172	SV6169926	Hoàng Đức	Thanh	19/01/1996		
33	TA0173	SV6169927	Nguyễn Thị	Thanh	20/6/1999		
34	TA0174	SV6169928	Hoàng Công	Thành	26/7/1999		
35	TA0175	SV6169929	Lê Đức	Thành	9/2/1999		
36	TA0176	SV6169930	Phùng Khánh	Thành	24/7/1995		
37	TA0177	SV6169931	Ngô Thị Phương	Thảo	21/9/1999		
38	TA0178	SV6169932	Phạm Văn	Thịem	5/1/1999		
39	TA0179	SV6169933	Phan Thanh	Thìn	07/12/1988		
40	TA0180	SV6169934	Phạm Minh	Thu	30/9/2000		
41	TA0181	SV6169935	Trần Thị	Thư	1/3/1999		
42	TA0182	SV6169936	Đào Thị	Thương	24/7/1999		
43	TA0183	SV6169937	Đặng Đức	Thường	18/2/1999		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)